

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

HOÀNG MẠNH CỪ

**CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN  
THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: *Tài chính - Lưu thông tiền tệ và Tín dụng***

**Mã số: 5.02.09**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2007**

## **CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS Trần Vĩnh Đức**
- 2. TS Nguyễn Thị Chát**

Phản biện 1: **GS. TS Hồ Xuân Phương**

Ủy ban Kinh tế - Ngân sách Quốc hội

Phản biện 2: **GS. TSKH Trương Mộc Lâm**

Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

Phản biện 3: **PGS. TS Nguyễn Văn Định**

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước  
họp tại Học viện Tài chính

Vào hồi 15 giờ □□ ngày 26 tháng 10 năm 2007

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

## **CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Mạnh Cừ (2002), “*Hoàn thiện phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng đối với các DNBH phi nhân thọ ở nước ta hiện nay*”, *Tạp chí bảo hiểm*, (1), tr.6 - 9.
2. Hoàng Mạnh Cừ (2002), “*DNBH phi nhân thọ trích lập dự phòng bồi thường như thế nào?*”, *Tạp chí bảo hiểm*, (4), tr.1 - 4.
3. Hoàng Mạnh Cừ (2004), “*Vai trò của các DNBH Nhà nước đối với sự phát triển TTBH Việt Nam*”, *Tạp chí bảo hiểm*, (2), tr.5 - 8.
4. Hoàng Mạnh Cừ (2004), “*Giải pháp tăng vốn kinh doanh cho các DNBH*”, *Tạp chí Tài chính* (477), tr.22 - 24.
5. Hoàng Mạnh Cừ (2004), “*Trao đổi về phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 99/2004/TT-BTC*”, *Tạp chí bảo hiểm*, (4), tr.23 - 25.
6. Hoàng Mạnh Cừ (2006), “*Cần có hướng dẫn cụ thể về phương pháp trích lập dự phòng dao động lớn*”, *Tạp chí bảo hiểm*, (2), tr.20 - 23.
7. Hoàng Mạnh Cừ (2006), “*Đầu tư của DNBH - Bất cập trong những quy định pháp lý điều chỉnh*”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán*, (35), tr.31 - 34,36.
8. Hoàng Mạnh Cừ (2006), “*Các DNBH phi nhân thọ: Nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài*”, *Tạp chí Tài chính*, (501), tr.46 - 48.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thị trường bảo hiểm (TTBH) có vai trò rất tích cực đối với việc ổn định, phát triển sản xuất và đời sống xã hội. Từ khi Luật kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực (01/4/2001), TTBH nước ta mới thực sự khởi sắc. Tuy nhiên, hoạt động của TTBH trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định như quy mô thị trường nhỏ, vốn của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) hạn chế, khả năng khai thác và mở rộng thị trường yếu, cạnh tranh không lành mạnh diễn ra ngày càng nhiều,..., và nhất là chính sách tài chính (CSTC) tác động đến TTBH còn nhiều bất cập cản trở sự phát triển của thị trường. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược, khai thác tiềm năng phát triển thị trường, đáp ứng yêu cầu mở cửa, hội nhập TTBH và nền kinh tế, đòi hỏi TTBH cần phải được phát triển hơn nữa. Vậy làm thế nào để thúc đẩy TTBH phát triển lành mạnh, an toàn và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu về bảo hiểm của toàn xã hội ? Đó là mối quan tâm của Nhà nước, của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) và là vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Để giải quyết được vấn đề này cần sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó việc sử dụng các CSTC là trọng yếu. Xuất phát từ thực tế đó tôi đã lựa chọn nghiên cứu đề tài **□*Các giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm ở Việt Nam*□**.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về TTBH, phân tích thực trạng hoạt động của TTBH Việt nam trong thời gian qua và tác động của

các CSTC đối với sự phát triển TTBH, từ đó đề ra các giải pháp tài chính phát triển TTBH nước ta trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu hoạt động của TTBH thương mại, có liên hệ với thực tế TTBH ở Việt nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực rộng, phức tạp nên luận án chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu các CSTC của Nhà nước đối với hoạt động của TTBH, chủ yếu đối với các DNBH, kể từ khi Nhà nước có chủ trương mở cửa TTBH theo hướng đa dạng và hội nhập. Để thể hiện rõ bản chất của các vấn đề cần trình bày và đảm bảo phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, các số liệu đưa ra trong luận án chủ yếu được cập nhật trong những năm gần đây từ 2002-2005.

### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

- Làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về TTBH, vai trò của TTBH; nội dung và tác động của các CSTC làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp tài chính nhằm thúc đẩy phát triển TTBH.

- Đánh giá thực trạng hoạt động của TTBH trong thời gian qua và những hạn chế của các CSTC tác động tới TTBH; đồng thời chỉ ra những bài học kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng CSTC thúc đẩy phát triển TTBH.

- Đánh giá tiềm năng, tình hình thực hiện các mục tiêu chiến lược và yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển TTBH ở nước ta nhằm khẳng định phát triển TTBH Việt Nam là một đòi hỏi bức xúc và có cơ sở để thực hiện được; từ đó đưa ra các giải pháp tài chính thúc đẩy sự phát triển TTBH ở Việt nam trong thời gian tới.

## **5. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục các bảng, danh mục tài liệu tham khảo và 8 trang phụ lục kèm theo, luận án được thể hiện trong 179 trang đánh máy, chia thành 3 chương.

### **Chương 1**

## **THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NHỮNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM**

Nội dung nghiên cứu lý luận về TTBH và tác động của các CSTC nhằm làm sáng tỏ các vấn đề sau:

### **1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM**

Thông qua việc nghiên cứu về TTBH như cơ sở khách quan, những yếu tố cơ bản, các loại, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng, luận án muốn khẳng định TTBH ra đời, tồn tại là hoàn toàn khách quan và có tác động qua lại với bối cảnh, môi trường kinh tế-xã hội; muốn TTBH phát triển cân đối và vững chắc cần phải có những tác động tích cực, đồng bộ đến các yếu tố của thị trường là chủ thể tham gia trao đổi (người mua và người bán) và phương tiện trao đổi. Phương pháp lập luận này sẽ tôn thêm vai trò tác động của CSTC đối với TTBH. Do có nhiều loại TTBH như nhân thọ, phi nhân thọ, □, nên những tác động, nhất là những giải pháp tài chính cần phải cân nhắc đến và cùng chiều với các nhân tố ảnh hưởng, đồng thời phải phù hợp với đặc điểm của từng loại TTBH.

## **1.2 VAI TRÒ CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG VIỆC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THÚC ĐẨY HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Để chứng tỏ tầm quan trọng không thể thiếu được của bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường, luận án đã trình bày các vai trò của TTBH. Những vai trò đó nhằm khẳng định thêm sự cần thiết của đề tài mà tác giả lựa chọn.

- TTBH góp phần đảm bảo an toàn cho con người và tài sản, từ đó ổn định cuộc sống và sản xuất xã hội

- TTBH đã góp phần thúc đẩy hoạt động tiết kiệm, tập trung vốn, góp phần đáp ứng các nhu cầu về vốn trong xã hội

- TTBH tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế

- TTBH góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước, tăng tích lũy cho Ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho xã hội

## **1.3 TÁC ĐỘNG CỦA NHỮNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM**

### **1.3.1 Chính sách về vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

Chính sách về vốn đối với DNBH không chỉ tác động tới cung và cầu thị trường mà còn chi phối tới toàn bộ hoạt động của TTBH.

- Vốn của DNBH đảm bảo khả năng thanh toán bồi thường, trả tiền bảo hiểm, bảo vệ quyền lợi khách hàng; từ đó tăng niềm tin đối với khách hàng, tạo dựng uy tín và hình ảnh của DNBH. Về phương diện này, chính sách huy động vốn có tác động “kích cầu” TTBH.

- Khả năng về vốn của DNBH là yếu tố quan trọng quyết định tăng khả năng nhận bảo hiểm; đồng thời tạo điều kiện để DNBH phát triển sản phẩm mới, cập nhật công nghệ, □ Về phương diện này, chính sách về vốn đối với DNBH đã góp phần “tăng cung” TTBH.

- Vốn còn tạo điều kiện cho DNBH tăng khả năng giữ lại, đẩy mạnh hoạt động đầu tư, mở rộng qui mô kinh doanh, chống được các rủi ro, ổn định hoạt động kinh doanh, góp phần ổn định TTBH.

Luật pháp các quốc gia quy định các DNBH muốn hoạt động phải duy trì vốn ít nhất phải bằng vốn tối thiểu (vốn pháp định). Vốn chủ sở hữu của DNBH bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ dự trữ bảo hiểm, lợi nhuận chưa phân phối, và các quỹ khác. Để tăng vốn chủ sở hữu, các DNBH có thể tăng các khoản vốn trên, trong đó tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và quỹ dự trữ bắt buộc là trọng yếu.

### **1.3.2 Quy định trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

Thiết lập các quỹ dự phòng riêng biệt cho từng nghiệp vụ bảo hiểm vào cuối mỗi năm tài chính là sự bắt buộc đối với DNBH. Tùy thuộc vào bản chất kỹ thuật của nghiệp vụ là bảo hiểm phi nhân thọ hay nhân thọ mà DNBH phải trích lập các dự phòng nghiệp vụ (DPNV) khác nhau theo những phương pháp khác nhau.

- Qui định trích lập DPNV là CSTC quan trọng, góp phần bảo vệ quyền lợi của khách hàng, đảm bảo cho DNBH phát triển và ổn định, từ đó góp phần làm cho TTBH phát triển an toàn và lành mạnh.

- Nhờ có hoạt động đầu tư tài chính mà chủ yếu là đầu tư từ nguồn vốn nhàn rỗi của DPNV, khả năng tài chính của các DNBH được tăng cường, tạo điều kiện để DNBH thực hiện tốt cam kết với



khách hàng, có thể giảm phí và thực hiện các chiến lược khách hàng, góp phần “tăng cung”, “kích cầu” TTBH.

### **1.3.3 Chính sách về đầu tư vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

Nếu chính sách đầu tư hợp lý, đúng hướng sẽ tạo điều kiện cho các DNBH đầu tư hiệu quả, góp phần bảo toàn và phát triển vốn, tài sản; mở rộng quy mô kinh doanh, từ đó “tăng cung” TTBH; đồng thời tạo điều kiện giảm phí bảo hiểm (trong giới hạn cho phép), có nhiều lợi nhuận để chia cho khách hàng (đối với bảo hiểm nhân thọ), từ đó “kích cầu” TTBH, khai thác sâu thị trường.

Việc quy định các tỷ lệ vốn đầu tư một cách hợp lý, phù hợp với từng danh mục nhằm đảm bảo những yêu cầu về đầu tư vốn đối với các DNBH là an toàn, hiệu quả, tính thanh khoản cao đáp ứng nhu cầu chi trả thường xuyên, từ đó đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tài sản cho các DNBH, thúc đẩy TTBH phát triển vững chắc.

### **1.3.4 Chính sách đảm bảo khả năng thanh toán của DNBH**

Luật pháp về bảo hiểm ở các quốc gia đều quy định về khả năng thanh toán của DNBH để hạn chế tới mức thấp nhất nguy cơ phá sản DNBH, nhằm đưa hoạt động của TTBH vào thế ổn định.

### **1.3.5 Chính sách thuế**

Thuế là một công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thực hiện chính sách thuế linh hoạt sẽ tạo điều kiện cho các DNBH phát triển sản phẩm, mở rộng địa bàn khai thác, “tăng cung” thị trường; đồng thời kích thích khách hàng tham gia bảo hiểm, “kích cầu” thị trường.

### **1.3.6 Chính sách phân phối lợi nhuận**

Quy định dành một phần lợi nhuận hàng năm bổ sung vốn, khả năng tài chính được tăng cường, khách hàng tin tưởng, từ đó “tăng cung, kích cầu” TTBH, thúc đẩy TTBH phát triển.

### **1.3.7 Một số CSTC khác**

Nhà nước có thể sử dụng chính sách đầu tư, giá cả, tín dụng, □ tác động nhằm kích thích hoặc hạn chế sự phát triển của TTBH.

**Tóm lại**, nội dung chương 1 bao gồm những vấn đề lý luận về TTBH và các CSTC tác động làm tiền đề cho những đánh giá về TTBH Việt Nam trong thời gian qua, những hạn chế của các CSTC hiện hành và các giải pháp tài chính thúc đẩy TTBH phát triển.

## **Chương 2**

### **CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở NƯỚC TA VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC**

#### **2.1 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở VIỆT NAM**

Ra đời muộn hơn nhiều so với thế giới, hoạt động bảo hiểm đã có ít nhiều ngay từ thời kỳ nước ta bị Pháp đô hộ và ở miền Nam dưới chế độ cũ. Song thời điểm đáng chú ý là sự ra đời của Công ty Bảo hiểm Việt nam (nay là Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm Bảo Việt) ngày 15/1/1965. Đến nay TTBH phát triển tốc độ tăng trưởng cao với đầy đủ các yếu tố, từng bước đáp ứng được yêu cầu phát triển và ổn định nền kinh tế, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế, môi trường kinh doanh và quản lý nhà nước ngày càng hoàn thiện.

Tuy nhiên, TTBH Việt Nam còn bộc lộ một số tồn tại.

- Qui mô thị trường còn nhỏ, năm 2003 mới đạt doanh số \$550 tr, chiếm 0,02% thị phần thế giới, đứng thứ 58 thế giới (bảng 2.2). Các nước trong khu vực như Indonesia, Thailan, Malaysia, Singapore, ... có doanh số lớn hơn nhiều lần so với nước ta.

- Tiềm năng TTBH còn chưa được khai thác hết.

- Khả năng giữ lại thấp, hoạt động đầu tư còn hạn chế. Bảo hiểm hàng không, bảo hiểm dầu khí, tỷ lệ tái bảo hiểm ra nước ngoài năm 2005 chiếm tới 90%. Đầu tư của các DNBH ở Việt Nam còn đơn điệu, tập trung chủ yếu vào tiền gửi và trái phiếu chính phủ năm 2005 vẫn còn hơn 86%.

- Thị trường phát triển chưa cân đối và đồng bộ.

- Cạnh tranh không lành mạnh vẫn tồn tại.

- Hoạt động môi giới và tái bảo hiểm còn hạn chế.

## **2.2 CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM**

Nội dung các CSTC còn nhiều vấn đề bất cập, chưa phù hợp.

### **2.2.1 Chính sách về vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Quy định về vốn chưa dựa trên rủi ro mà DNBH đảm nhận.

- Vốn điều lệ quy định chưa rõ ràng, cụ thể.

- Chưa có những lộ trình hay quy định nhằm khuyến khích các DNBH tăng vốn.

Hạn chế trong chính sách về vốn là nguyên nhân chủ yếu làm cho tiềm lực về vốn của các DNBH còn khiêm tốn, số đông các DNBH phi nhân thọ có số vốn khoảng từ 70-100 tỷ VND (bảng 2.3); phần lớn các DNBH mới chỉ đáp ứng được yêu cầu về vốn pháp định,

vẫn có tới một nửa số DNBH có số vốn chủ sở hữu nhỏ hơn cả vốn điều lệ. Thực trạng trên đã có tác động tiêu cực đến TTBH:

- + Khách hàng bảo hiểm thiếu tin tưởng, hạn chế “câu”.
- + Khả năng nhận bảo hiểm thấp, hạn chế “cung”.
- + Mức giữ lại nhỏ, nhượng tái ra nước ngoài nhiều.

### **2.2.2 Quy định trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

- Phương pháp trích lập các loại DPNV chưa cụ thể nên áp dụng không nhất quán; chưa quy định mức trích lập pháp định.

- Phương pháp trích lập dự phòng phí chưa loại trừ phần phí bảo hiểm phải chi ngay cho việc thiết lập hợp đồng bảo hiểm.

- Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường chưa tính đến chi phí quản lý đối với các tổn thất làm quy mô dự phòng bị thiếu hụt.

- Dự phòng dao động lớn được trích lập từ phí bảo hiểm giữ lại là không phù hợp với bản chất dự phòng, tỷ lệ trích lập chưa chỉ rõ.

- Điều kiện sử dụng dự phòng đảm bảo cân đối không chỉ rõ.

Những hạn chế trên đã làm cho việc trích lập DPNV giữa các DNBH còn tùy tiện, theo ý muốn của doanh nghiệp và chưa thống nhất. Các DNBH tùy ý sử dụng nhằm điều chỉnh kết quả kinh doanh. Cùng những cơ sở số liệu tương tự nhau, song DPNV trích lập ở các DNBH khác nhau lại quá khác biệt nhau (bảng 2.6 và bảng 2.7).

### **2.2.3 Chính sách về đầu tư vốn**

- Quy định khoản tiền để bồi thường, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong nguồn vốn từ DPNV (tối thiểu là 25% đối với bảo hiểm phi nhân thọ, 5% đối với bảo hiểm nhân thọ) là không cần thiết.

- Các hạn chế về tỷ lệ đầu tư mới chỉ quy định đối với nguồn vốn nhân rồi từ DPNV, chưa quy định đối với các nguồn vốn đầu tư khác. Như vậy sẽ dễ dẫn tới khả năng DNBH bị thất thoát các nguồn vốn đầu tư khác như vốn điều lệ, quỹ dự trữ bắt buộc, lãi chưa sử dụng, □. ảnh hưởng đến khả năng thanh toán đối với khách hàng bảo hiểm, không đảm bảo TTBH phát triển an toàn và ổn định.

- Các quy định hạn chế về tỷ lệ đầu tư còn chưa cụ thể, chưa giới hạn số vốn đầu tư tối đa vào một nơi, một điểm đầu tư hoặc một lần phát hành cổ phiếu, trái phiếu công ty,... tức là chưa quán triệt nguyên tắc phân tán rủi ro. Việc quy định chưa chặt chẽ như trên khó có thể đảm bảo cho DNBH có thể bảo toàn và phát triển vốn.

- Việc quy định giới hạn về địa bàn đầu tư không còn phù hợp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Các quy định về danh mục đầu tư còn chung chung, thiếu những văn bản hướng dẫn cụ thể và nhất quán với những luật khác

Chính những bất cập trên là nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong hoạt động đầu tư của các DNBH như nguồn vốn đầu tư còn thấp, không đảm bảo an toàn, hiệu quả đầu tư chưa cao, danh mục đầu tư nghèo nàn tập trung vào tiền gửi Ngân hàng và trái phiếu chính phủ, năm 2005 chiếm hơn 86% (bảng 2.8). Trong khi đó tại những nước phát triển, phần lớn nguồn vốn đầu tư của DNBH được dành để đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu (bảng 2.9).

## **2.2.4 Chính sách đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm**

- Phương pháp tính biên khả năng thanh toán tối thiểu chưa theo thông lệ quốc tế. Các DNBH phi nhân thọ xác định biên khả năng thanh toán dựa trên phí bảo hiểm giữ lại, chứ không phải phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái, để đảm bảo khả năng thanh toán trong khi nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế và cố định, DNBH phi nhân thọ chỉ cần thực hiện tái bảo hiểm.

- Nguồn vốn để xác định biên khả năng thanh toán chủ yếu chỉ quan tâm đến quy mô của nguồn vốn chủ sở hữu, nhiều tài sản không có hoặc có tính thanh khoản thấp chưa bị loại trừ.

- Hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH chưa có hệ thống cảnh báo sớm cũng như đánh giá phân loại năng lực các DNBH giúp khách hàng yên tâm khi đưa ra quyết định lựa chọn DNBH.

## **2.2.5 Chính sách thuế đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Chỉ quy định dịch vụ bảo hiểm hàng vận chuyển đối với hàng xuất khẩu không chịu thuế giá trị gia tăng là không hợp lý.

- Cho phép các DNBH có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép đầu tư trước ngày 01/01/2004 tiếp tục được áp dụng mức thuế suất 25% đến hết thời hạn Giấy phép đầu tư, các DNBH còn lại áp dụng thuế suất 28% là không bình đẳng.

- Quy định đại lý bảo hiểm cá nhân phải thực hiện nộp thuế thu nhập theo mức ấn định 5% trên hoa hồng đại lý cá nhân được hưởng sẽ không tạo điều kiện cho nghề đại lý phát triển.

- Chưa đưa một nghiệp vụ bảo hiểm mới nào vào Phụ lục Danh mục A - Ngành nghề, lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư. Điều này làm hạn chế việc các DNBH triển khai các sản phẩm bảo hiểm mới, nhất là các sản phẩm phục vụ cho việc phát triển kinh tế-xã hội.

- Các văn bản pháp lý liên quan đến thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao chưa loại trừ phần nộp phí bảo hiểm nhân thọ ra khỏi thu nhập chịu thuế,....

### **2.2.6 Chính sách phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Chưa đưa ra một quy định hay cơ chế nào khuyến khích các DNBH dành một phần lợi nhuận hàng năm để bổ sung tăng vốn.

- Quy định trích 5% lợi nhuận sau thuế của DNBH để lập quỹ dự trữ bắt buộc là thấp trong điều kiện vốn của các DNBH còn nhỏ.

- Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc được quy định bằng 10% vốn điều lệ của DNBH là thấp, trong khi đó lại cho phép các DNBH lập quỹ dự trữ tự nguyện.

- Mức trích lập tối đa dự phòng đảm bảo cân đối bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính là thấp.

Với chính sách phân phối lợi nhuận như trên đã làm hạn chế việc bổ sung tăng vốn hoạt động kinh doanh của các DNBH, khả năng tài chính không được tăng cường, khách hàng thiếu tin tưởng, hạn chế sự phát triển của TTBH.

### **2.2.7 Một số chính sách tài chính khác**

- Việc thiết kế các SPBH mới, chi cho công tác truyền thông về bảo hiểm,□ vẫn chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức. Điều này

đã làm cho nhận thức của người dân về bảo hiểm tuy đã được nâng lên song còn ở mức thấp, hạn chế “tăng cung, kích cầu” TTBH.

- Các quy định về hoạt động cho vay, cho vay theo hợp đồng,.... chưa có hướng dẫn cụ thể; các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cũng chưa được phép thế chấp hợp đồng bảo hiểm (khi đã có giá trị giải ước) tại Ngân hàng để được vay tiền,....

- Nhiều nghiệp vụ bảo hiểm chưa có những quy định về mức/ tỷ lệ phí sàn và/ hoặc trần. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho hiện tượng giảm phí tùy tiện chưa bị đẩy lùi. Nhà nước cũng chưa thực hiện trợ cấp, trợ giá đối với những nghiệp vụ mới triển khai, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, □ Điều này đã làm cho TTBH bị thu hẹp.

### **2.3 KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI TRONG VIỆC SỬ DỤNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM**

Để có cách nhìn toàn diện và hoàn thiện hơn các quy định pháp lý cũng như quan điểm về giải pháp tài chính đối với TTBH Việt Nam, tác giả đã khảo sát một số CSTC và tình hình, xu hướng thực hiện các CSTC đó đối với TTBH ở một số nước phát triển như Thái Lan, Singapore, Malaysia, Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp; đồng thời rút ra những chính sách có thể xem xét vận dụng.

#### ***- Chính sách về vốn***

- + Vốn pháp định phải tương ứng với rủi ro DNBH đảm nhận.
- + Vốn điều lệ đã đăng ký phải là có thật.
- + Để tăng vốn, các DNBH có thể sáp nhập với nhau.



**- Quy định về trích lập DPNV**

+ Cần quy định phương pháp trích lập DPNV pháp định.

+ Các phương pháp xác định DPNV được quy định thống nhất, có cơ sở và đúng với bản chất của mỗi loại dự phòng.

**- Chính sách đầu tư vốn đối với DNBH**

+ Các yêu cầu đầu tư được quán triệt là an toàn, hiệu quả, tính thanh khoản và đa dạng hóa.

+ Các hạn chế về đầu tư không chỉ đối với DPNV mà còn áp dụng với cả vốn chủ sở hữu của DNBH.

+ Nguyên tắc phân chia, phân tán rủi ro đồng thời được đặt ra.

**- Chính sách đảm bảo khả năng thanh toán**

+ Xác định biên khả năng thanh toán theo hai phương pháp và chọn kết quả cao hơn.

+ Nguồn vốn xác định biên khả năng thanh toán phải loại trừ một số tài sản, những khoản không có hoặc tính thanh khoản thấp.

**- Chính sách thuế**

Có chính sách ưu đãi hợp lý nhằm tăng cung, kích cầu TTBH.

**- Chính sách khác:** Các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được thế chấp hợp đồng bảo hiểm khi có nhu cầu vay tiền, □

**Tóm lại,** chương 2 của luận án đã trình bày tổng quát về TTBH Việt Nam trong mối quan hệ với TTBH thế giới, phân tích và đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân. Từ việc nghiên cứu nội dung các CSTC đang áp dụng đối với TTBH hiện nay, luận án đã chỉ ra những hạn chế hoặc những vấn đề chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu phát triển TTBH hiện nay

đang đặt ra. Với việc đưa ra những số liệu cập nhật, luận án chứng tỏ hiện nay hầu hết các DNBH có vốn nhỏ, trích lập DPNV còn hạn chế và chưa thống nhất về phương pháp, việc sử dụng vốn đầu tư còn bất cập, việc xác định khả năng thanh toán chưa được quan tâm, phân phối lợi nhuận còn chưa hợp lý, □. Thực trạng trên chủ yếu là do những hạn chế về CSTC và sự buông lỏng trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng. Những kinh nghiệm rút ra từ việc nghiên cứu CSTC của một số nước, kết hợp với việc phân tích những tồn tại trong CSTC hiện hành của Nhà nước và thực trạng của TTBH Việt Nam sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng cho những giải pháp khoa học đề xuất ở chương 3.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN 2010**

#### **3.1.1 Tiềm năng phát triển thị trường bảo hiểm ở nước ta**

Để chứng tỏ việc phát triển TTBH theo các mục tiêu chiến lược đã đặt ra là hoàn toàn có thể thực hiện được, luận án đưa ra những luận cứ khoa học thể hiện tiềm năng TTBH Việt Nam còn rất lớn. Thực tế những năm qua các DNBH trên TTBH Việt Nam chỉ khai thác được một phần nhỏ thị trường. Những số liệu ở bảng 3.2 thể hiện hầu hết các nghiệp vụ bảo hiểm còn bỏ ngỏ những bộ phận thị trường rất lớn.

### **3.1.2 Chiến lược phát triển TTBH Việt Nam đến năm 2010**

Để khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện các giải pháp tài chính, luận án đã đưa ra những mục tiêu cụ thể mà TTBH cần phải đạt được theo lộ trình vào các năm 2005 và 2010. Những số liệu ở bảng 3.3 cho thấy TTBH chưa đạt được hầu hết các mục tiêu đặt ra. Mặc dù doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 5 535 tỷ VND, nhưng trong đó có nhiều nhóm nghiệp vụ chưa đạt được mục đặt ra. Tuy vốn đầu tư toàn TTBH cung cấp cho nền kinh tế năm 2005 là 26.906 tỷ VND, song trong đó có tới 22.905 tỷ VND là tiền gửi và mua trái phiếu chính phủ, chiếm hơn 85%. Số lượng đại lý bảo hiểm nhân thọ đã giảm đáng kể, khoảng 5% so với năm 2004. Đặc biệt, để đạt được tốc độ tăng trưởng như các mục tiêu trên, Chiến lược phát triển TTBH đến năm 2010 đặt ra yêu cầu về vốn phát triển toàn TTBH phải huy động tới năm 2008 là gần 9 200 tỷ VND, năm 2010 là gần 14 000 tỷ VND (bảng 3.4) trong khi tổng vốn chủ sở hữu của các DNBH năm 2005 mới chỉ là 4.697 tỷ VND.

### **3.1.3 Những yêu cầu chủ yếu đối với các chính sách tài chính tác động tới thị trường bảo hiểm**

Trong giai đoạn hiện nay, CSTC đối với TTBH phải đạt được các yêu cầu có tính nguyên tắc như sau:

- *CSTC phải phù hợp với quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và hội nhập quốc tế*
- *CSTC phải tạo điều kiện mở rộng quy mô thị trường trên cơ sở tăng cung, kích cầu thị trường*

- CSTC phải đảm bảo TTBH phát triển an toàn, lành mạnh và bảo vệ lợi ích của khách hàng bảo hiểm

- CSTC phải thúc đẩy phát triển TTBH hiệu quả

- CSTC phải thể hiện được chế độ ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước đối với TTBH

### **3.2 CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **3.2.1 Những giải pháp tăng cung, kích cầu thị trường**

- *Giải pháp thứ nhất: Quy định vốn pháp định tương ứng với rủi ro mà DNBH đảm nhận*

+ Cần tăng vốn pháp định đối với các DNBH theo lộ trình sau:

**Bảng 3.7**  
**Danh mục mức vốn pháp định của các DNBH**

<b>S</b>	<b>T</b>	<b>Loại DNBH</b>	<b>Mức vốn pháp định áp dụng cho đến năm</b>	
			<b>2008</b>	<b>2010</b>
1		DNBH phi nhân thọ	200 tỷ VND	400 tỷ VND
2		DNBH nhân thọ	800 tỷ VND	1.200 tỷ VND

Với việc quy định mức vốn pháp định như trên và số DNBH hiện có là 16 DNBH phi nhân thọ, 8 DNBH nhân thọ, đến năm 2008 tổng số vốn của các DNBH toàn TTBH Việt Nam tối thiểu sẽ là  $16 \times 200 + 8 \times 800 = 9.600$  tỷ VND và đến năm 2010 sẽ là  $16 \times 400 + 8 \times 1.200 = 16.000$  tỷ VND (Chiến lược phát triển TTBH đến năm 2010 đặt ra là gần 14 000 tỷ VND).

+ Vốn pháp định phải nằm trong mối quan hệ với thị trường hoạt động của doanh nghiệp. Từ số liệu ở bảng 3.6 cho thấy, vốn điều lệ trung bình cao nhất/ công ty hoặc chi nhánh là gần 20 tỷ VND. Như vậy, đối với DNBH phi nhân thọ, ứng với số vốn pháp định vào năm 2008 là 200 tỷ VND thì chỉ được thành lập 10 công ty (đối với Tổng công ty bảo hiểm) hoặc chi nhánh (đối với công ty bảo hiểm); muốn mở thêm 01 công ty hoặc 01 chi nhánh tại các tỉnh/ thành phố thì DNBH phải có thêm một số vốn là 20 tỷ VND. Đối với DNBH nhân thọ cũng quy định tương tự. Như vậy, nếu cần mở rộng thị trường, DNBH phải huy động đủ vốn.

+ Để đảm bảo vốn tương ứng với rủi ro, vốn của DNBH còn phải tương quan với số loại nghiệp vụ/ nhóm nghiệp vụ được triển khai. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm hàng không, dầu khí, xây dựng-lắp đặt, cháy nổ và thân tàu biển, chỉ những DNBH nào có số vốn điều lệ đạt 500 tỷ VND vào năm 2008, 1.000 tỷ VND vào năm 2010 thì mới được chấp nhận dịch vụ bảo hiểm cho khách hàng.

+ Vốn của DNBH phải tương thích với số tiền bảo hiểm hoặc mức trách nhiệm mà DNBH đảm nhận. DNBH không được nhận bảo hiểm cho những dịch vụ có mức trách nhiệm hoặc số tiền bảo hiểm lớn hơn số vốn điều lệ thực có, hoặc phải thực hiện đồng bảo hiểm.

**- Giải pháp thứ hai: Huy động tăng vốn cho các DNBH**

+ Những DNBH đang hoạt động có vốn nhỏ cần nghiên cứu sáp nhập, hợp nhất lại để trở thành những DNBH có số vốn lớn hơn.

+ Các DNBH cũng có thể huy động vốn dưới hình thức gọi vốn góp của các cổ đông hoặc của các Tổng Công ty nhà nước.

- + Các Công ty bảo hiểm nhà nước cần xúc tiến cổ phần hoá.
- + Đối với các DNBH có vốn đầu tư nước ngoài, cần phải khuyến khích chủ đầu tư có kế hoạch đóng góp thêm vốn.
- + Giải pháp lành mạnh và bền vững là các DNBH dành ra một phần lợi nhuận để trực tiếp hoặc gián tiếp bổ sung vốn.
- + Nhà nước có cơ chế để DNBH bổ sung vốn từ quỹ dự trữ bắt buộc, từ dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối, □

*- Giải pháp thứ ba: Chính sách thuế đối với đại lý bảo hiểm cân thay đổi phù hợp*

Thu nhập của đại lý bảo hiểm (nộp thuế thu nhập theo mức ấn định 5% trên hoa hồng đại lý) cần được chuyển sang chịu sự điều tiết của thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao; góp phần giảm tỷ lệ đại lý nghỉ việc, giúp các DNBH “tăng cung” TTBH.

*- Giải pháp thứ tư: Hỗ trợ, khuyến khích các DNBH khai thác, mở rộng thị trường và phát triển SPBH*

+ Miễn giảm thuế cho các DNBH kinh doanh trên địa bàn khó khăn, xa xôi, hẻo lánh, mật độ dân cư nhỏ, kinh tế kém phát triển.

+ Quy định bảo hiểm hàng vận chuyển đối với hàng nhập khẩu vào danh mục các dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Quy định này sẽ tác động “kích cầu” thị trường.

+ Miễn giảm thuế đối với nghiệp vụ bảo hiểm mới được triển khai trong những năm đầu, khuyến khích “tăng cung” thị trường.

+ Có chính sách hỗ trợ các DNBH trong việc thiết kế, triển khai các SPBH mới thông qua các chương trình, dự án tài trợ, □

**- Giải pháp thứ năm:** *Miễn giảm thuế đối với các cá nhân tham gia bảo hiểm nhân thọ*

Mức khấu trừ thu nhập khi tính thuế là toàn bộ số phí bảo hiểm phải nộp song tối đa là 1 tr VND/ tháng và không vượt quá 10 tr VND/ năm. Khi phát sinh trách nhiệm thanh toán trả tiền bảo hiểm, khách hàng không phải tính số tiền nhận được từ DNBH vào thu nhập chịu thuế.

**- Giải pháp thứ sáu:** *Thành lập quỹ phục vụ cho hoạt động tuyên truyền về bảo hiểm*

+ Hiệp hội bảo hiểm Việt nam là người quản lý quỹ và tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền.

+ Mức đóng góp quỹ tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu phí. Các DNBH phi nhân thọ là 0,02%; các DNBH nhân thọ là 0,01%, quy mô quỹ hàng năm sẽ đạt 2 - 3,5 tỷ VND.

+ Mục đích sử dụng chủ yếu của quỹ là để thực hiện các biện pháp tuyên truyền, giải đáp hay tư vấn các vướng mắc về bảo hiểm.

### **3.2.2 Những giải pháp đảm bảo thị trường phát triển an toàn, lành mạnh**

**- Một là:** *Hoàn thiện phương pháp trích lập DPNV bảo hiểm*

+ Quy định phương pháp trích lập DPNV pháp định

+ Dự phòng phí chỉ được trích lập trên cơ sở phí kiểm kê.

+ Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường cần rõ ràng, đơn giản và có tính đến chi phí quản lý.

+ Cần quy định cụ thể phương pháp trích lập dự phòng dao động lớn: Tỷ lệ trích lập là 2% lợi nhuận trước thuế.

+ Quy định dự phòng đảm bảo cân đối cho từng nghiệp vụ.

- **Hai là:** *Thực hiện nguyên tắc phân chia, phân tán rủi ro*

+ Quy định tỷ lệ đầu tư đối với tất cả các nguồn vốn.

+ Các quy định hạn chế về tỷ lệ đầu tư cân cụ thể, đảm bảo thực hiện nguyên tắc phân tán rủi ro.

- **Ba là:** *Xác định đúng biên khả năng thanh toán*

+ Nguồn vốn tính biên khả năng thanh toán cần loại trừ một số tài sản: Tài sản vô hình, chi phí trả trước, phải thu của khách hàng, cho vay không có đảm bảo. Các tài sản như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, □ quy định giảm một phần giá trị đảm bảo đánh giá đúng biên khả năng thanh toán của DNBH.

+ Thay đổi phương pháp xác định biên khả năng thanh toán đối với DNBH phi nhân thọ.

Áp dụng đồng thời hai phương pháp và chọn kết quả cao hơn.

- **Bốn là:** *Thuế thu nhập doanh nghiệp cần áp dụng bình đẳng*

Nhà nước nên bình đẳng áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% đối với tất cả các DNBH.

### **3.2.3 Những giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường hiệu quả**

- **Thứ nhất:** *Tăng quy mô vốn đầu tư của các DNBH*

Không cần thiết có quy định duy trì khoản tiền dùng để bồi thường, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong nguồn vốn từ DPNV.

- **Thứ hai:** *Cho phép các DNBH đầu tư vốn ở nước ngoài*

+ Bao gồm cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

+ DNBH có vốn điều lệ trên 1.000 tỷ VND vào năm 2008 và từ trên 1.500 tỷ VND vào năm 2010 mới được đầu tư ra nước ngoài.



+ Chính sách quản lý ngoại hối phải có những bước cải cách thích hợp như cho phép các DNBH mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài, tiếp tục nới lỏng, tiến tới tự do hóa trong quản lý ngoại hối, phát triển thị trường ngoại hối đáp ứng nhu cầu ngoại tệ,....

- *Thứ ba: Ban hành những văn bản hướng dẫn cụ thể và nhất quán nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của các DNBH*

Quy định cụ thể về danh mục đầu tư, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định hướng dẫn về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng phi Ngân hàng, xóa bỏ những hạn chế mang tính phân biệt đối xử về đầu tư giữa DNBH trong nước và ngoài nước,...

### **3.3 ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH NHẪM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

- *Tăng cường giám sát các DNBH.*

- + Kiểm tra vốn điều lệ thực có;
- + Kiểm tra, giám sát tình hình trích lập DPNV;
- + Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư vốn;
- + Kiểm tra khả năng thanh toán
- + Thành lập bộ phận chuyên trách kiểm tra, giám sát,...

- *Thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán:* Nhằm khuyến khích đa dạng hóa danh mục, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

- *Nâng cao năng lực kinh doanh của các DNBH*

- + Hiện đại hóa công nghệ thông tin, trình độ quản lý
- + Nâng cao trình độ cán bộ

- + Chú trọng công tác tái bảo hiểm
- Đa dạng hoá các hình thức phân phối SPBH
- + Phát triển hoạt động môi giới bảo hiểm
- + Nâng cao chất lượng đào tạo đại lý
- + Khuyến khích phát triển kênh phân phối trực tuyến

*Tóm lại*, ba nhóm giải pháp đều nhằm khắc phục những tồn tại của TTBH, những hạn chế của CSTC, khai thác triệt để tiềm năng thị trường và hướng tới thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển.

## **KẾT LUẬN**

Hoạt động của TTBH có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường. Nhằm đáp ứng các yêu cầu, xu hướng mới trong điều kiện nước ta hiện nay cần thiết phải phát triển TTBH hơn nữa. Các tác động bằng các CSTC có vai trò quyết định đến sự ra đời, tồn tại và định hướng phát triển của TTBH. Sau hơn 10 năm mở cửa, TTBH Việt nam đã có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên, so với tiềm năng và nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, TTBH đã bộc lộ một số vấn đề tồn tại cần có giải pháp khắc phục. Nguyên nhân sâu xa và chủ yếu của thực trạng đó là do những bất cập về CSTC của Nhà nước tác động, chi phối.

Luận án đã làm nổi bật những hạn chế và bất cập của CSTC và thực tế hoạt động của TTBH. Hạn chế cơ bản của các quy định pháp lý là chưa cụ thể, chi tiết, đồng bộ, thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn; dẫn tới việc các DNBH vận dụng thụ động, đơn điệu và tùy tiện. Đó là những yếu tố làm hạn chế quy mô thị trường, đe dọa đến sự an

toàn, làm giảm hiệu quả và cản trở làn sóng hội nhập trong quá trình phát triển của TTBH. Tuy nhiên, luận án cũng khẳng định TTBH Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển nên những bất cập về CSTC và những hạn chế trong thực tế hoạt động của thị trường là điều khó tránh khỏi. Mặc dù vậy, nếu không ý thức được những tồn tại, yếu kém để tìm giải pháp hoàn thiện, khắc phục thì không những không thực hiện được các mục tiêu chiến lược lâu dài mà ngay cả việc duy trì sự tồn tại cũng là điều không tưởng.

Để TTBH phát triển lành mạnh, an toàn và hiệu quả theo định hướng Chiến lược phát triển TTBH đến năm 2010 và từng bước hội nhập với TTBH khu vực và thế giới theo lộ trình trong các hiệp định, đàm phán song phương và đa phương, cần phải sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp. Những giải pháp nhằm “tăng cung, kích cầu” thị trường, đảm bảo thị trường phát triển an toàn, lành mạnh và hiệu quả mà luận án trình bày đã dựa trên nền tảng lý luận được đúc kết trong quá trình nghiên cứu hệ thống lý thuyết về quản lý tài chính đối với TTBH của thế giới, kết hợp với thực tiễn ở Việt Nam, sự học hỏi kinh nghiệm của các nước và luôn theo đuổi mục tiêu phát triển của các chủ thể tham gia thị trường. Các giải pháp không chỉ là trước mắt mà còn có tính khả thi lâu dài và đặc biệt còn phát huy tác dụng đối với TTBH ngay cả khi nền kinh tế nước ta thực sự hội nhập với khu vực và thế giới. Không những vậy, các giải pháp mà luận án đề xuất còn góp phần định hướng cho các nhà lập pháp và cơ quan quản lý về quan điểm trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các CSTC tác động đến TTBH./.